TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05/6/2025
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Đình Hiển

2. Bà Đoàn Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Minh Thiện - Thư ký Toà án nhân dân huyện TL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL *tham gia phiên tòa*: Bà Vương Thị Diệu

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2025/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị D, sinh năm 1981 *"Vắng mặt"*
Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn HN, huyện H, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Anh Chu Hải N, sinh năm 1979 *"Vắng mặt"*
Hộ khẩu thường trú: Thôn AL, xã HT, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.
Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 1 Trại giam số 6, Cục C10, Bộ Công an; địa chỉ: Thanh Mỹ, Thanh Chương, Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Bùi Thị D trình bày:

Chị Bùi Thị D và Anh Chu Hải N kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND ĐT, huyện TL, tỉnh Hưng Yên ngày 08/03/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng Chị D sống cùng gia đình chồng tại thôn AL, xã ĐT, huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Chị D và Anh N cùng làm tại công ty Công ty TNHH Rosviet Hưng Yên. Vợ chồng Chị D sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N nghiện ma tuý,

thường xuyên chơi bời tiêu tán tiền để sử dụng ma tuý. Nhiều khi hết tiền, Anh N về đòi Chị D đưa tiền, nếu Chị D không đưa thì bị chửi và đánh đập. Chị D và Anh N không có con vì cả hai đều đã lớn tuổi, khả năng thụ thai thấp. Cuối năm 2023, Anh N bị bắt về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", bị Toà án nhân dân huyện TL xử phạt 02 năm 03 tháng tù. Sau khi Anh N bị bắt, Chị D chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống cho tới nay. Nay Chị D không còn tình cảm với Anh N, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên Chị D đề nghị Toà án giải quyết cho Chị D được ly hôn Anh N.

Về con chung: Chị D và Anh N không có con chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản, công sức, công nợ: Chịị D và Anh N không có tài sản chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 24/02/2025 bị đơn Anh Chu Hải N trình bày:

Anh Chu Hải N và Chị Bùi Thị D kết hôn với nhau từ đầu năm 2024 trên tinh thần tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn khoảng 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và không tìm được tiếng nói chung. Sau đó khoảng 6 tháng Anh N bị bắt, Chị D chuyển về ở nhà mẹ đẻ cho đến nay. Nay Chị D xin ly hôn, Anh N đồng ý ly hôn và không có ý kiến gì.

Về con chung: Vợ chồng Anh N không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng Anh N không có tài sản chung và nợ nần gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án do Anh N đang phải chấp hành án phạt tù nên không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn Chị Bùi Thị D và bị đơn anh Chu Hải Ham đều vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận cho Chị Bùi Thị D được ly hôn anh Chu Hải Ham.

+ Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

+ Về án phí*:* Chị Bùi Thị D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Bùi Thị D yêu cầu giải quyết ly hôn Anh Chu Hải N có địa chỉ: Thôn AL, xã HT, huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

Phiên tòa ngày 05/6/2025 nguyên đơn chị Bùi Thị Dung và bị đơn Anh Chu Hải N vắng mặt, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt Chịị D và Anh N.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị D và Anh Chu Hải N kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ĐT (nay là xã HT), huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 08/3/2023 theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 07/2023. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị D: Theo Chịị D thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do Anh N nghiện ma tuý, thường xuyên chơi bời dùng tiền để sử dụng ma tuý. Anh chị đã sống với nhau gần 01 năm nhưng không có con. Cuối năm 2023, Anh N bị bắt do tàng trữ trái phép chất ma tuý và bị Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ xử phạt 02 năm 03 tháng tù. Sau khi Anh N bị bắt, Chị D chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống cho tới nay.

Về mâu thuẫn của vợ chồng Chị D được bà Vũ Thị L - Mẹ đẻ Anh N cung cấp: Hôn nhân của Anh N và Chị D hoàn toàn tự nguyện, được hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, anh chị đăng kí kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ĐT, huyện TL, tỉnh Hưng Yên năm 2023. Vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Bà L không nắm được cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn, chỉ thấy anh chị có vài lần cãi nhau về chuyện tiền nong giữa hai vợ chồng. Hai bên gia đình đã khuyên bảo, hàn gắn hai vợ chồng nhưng không được. Đến tháng 12 năm 2023, Anh N bị bắt do tàng trữ trái phép chất ma tuý, sau ngày Anh N bị bắt Chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Bà L thương Chị D vất vả, vẫn khuyên Chị D lấy người khác làm chỗ dựa. Nay Chị D làm đơn ly hôn Anh N, bà Lời ủng hộ ý kiến của Chị D (BL số 33).

Người làm chứng chị Bùi Thị Đ - chị gái Chị D cung cấp: Chị D và Anh N có đăng kí kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ĐT, huyện TL, tỉnh Hưng Yên năm 2023. Sau khi cưới, Chị D và Anh N sống chung với mẹ Anh N. Vợ chồng Chị D chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Do hai gia đình sống xa nhau nên chị Đ không biết được nguyên nhân cụ thể việc mâu thuẫn của vợ chồng Chị D. Chị Đ được Chị D kể lại là Anh N nghiện ma tuý, thường xuyên đánh đập Chị D để đòi tiền sử dụng ma tuý. Có lần Anh N yêu cầu Chị D gọi điện về xin tiền bố mẹ chị Đ nhưng nhưng bố mẹ chị Đào già yếu nên không cho. Lúc đầu Chị D giấu chuyện bị đánh với gia đình, khi nghe tin Anh N bị bắt, chị Đ và gia đình sang thăm thì thấy mặt mũi Chị D bầm tím hỏi ra mới biết là bị Anh N đánh, gia đình chị Đ thương Chị D nên đã đưa Chị D về sống cùng gia đình (BL số 28).

Qua xác minh, UBND xã HT cung cấp: Chị Bùi Thị D và Anh Chu Hải N có đăng ký kết hôn tại UBND ĐT (nay là xã HT), huyện TL vào ngày 08/3/2023, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2023, việc đăng ký kết hôn của Chị D, Anh N được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Cuộc sống hôn nhân của Chị D, Anh N như thế nào, địa phương không nắm được. Ngày 10/5/2024 Anh Chu Hải N bị Tòa án nhân dân huyện TL xét xử và tuyên phạt 02 năm 03 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (BL số 32).

Từ những căn cứ trên xác định sau khi kết hôn vợ chồng Chị D và Anh N chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên do Anh N sử dụng ma túy làm ảnh hưởng đến kinh tế vợ chồng dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau, Anh N còn đánh Chị D. Cuối năm 2023 Anh N tàng trữ ma túy nên bị bắt, tại Bản án số: 19/2024/HS-ST ngày 10/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện TL đã xử phạt Anh N 02 năm 03 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16/12/2023. Sau khi Anh N bị bắt Chị D đã về ở cùng bố mẹ đẻ cho đến nay. Bản thân Anh N xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được 05 tháng thì xảy ra mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau, Anh N đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng Chịi D, Anh N đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa. Do vậy việc Chị D xin ly hôn Anh N là có căn cứ chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị D, Anh N đều xác định vợ chồng không có con chung và không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị D, Anh N đều xác định không có và không đề nghị nên không xem xét giải quyết

3. Về án phí: Chị Bùi Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Bùi Thị D được ly hôn Anh Chu Hải N.

[2] Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết

[3] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí*:* Chị Bùi Thị D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị D đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0001091 ngày 16/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ. Chị D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện TL;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã HT
(Đăng ký số 07 ngày 08/3/2023).
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lý